

*Số: 52/2017/HSPT*  
*Ngày 07/8/2017*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**  
*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Kim Hồng**

*Các Thẩm phán:* Ông **Đỗ Văn Hiên**

Ông **Nguyễn Văn Dũng**

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Việt Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 40/2017/HSPT ngày 07 tháng 4 năm 2017, đối với bị cáo Trần Quốc K.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 05/2017/HSST ngày 23/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

**\* Bị cáo có kháng cáo:**

**Trần Quốc K** - sinh năm 1981 tại Bình Định; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 7, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giáo viên; Con ông Trần Hữu Đ, sinh năm 1954 và bà Võ Thị T, sinh năm 1961; Bị cáo có vợ là Hoàng Thị L, sinh năm 1979 và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/01/2016 đến nay, Có mặt.

**\* Nguyễn đơn dân sự:**

- Phòng GD-ĐT huyện K, tỉnh Gia Lai – đại diện ông Nguyễn Chí Th – sinh năm 1974; chức vụ: Trưởng phòng – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Trường Tiểu học và Trung học cơ sở C, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai – đại diện ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1967; chức vụ: Hiệu trưởng – Vắng mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Hoàng Thị L. Sinh năm 1979

Trú tại: Tổ 7, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Ông Trần Hữu Đ. Sinh năm: 1954

Trú tại: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. Vắng mặt

- Cháu Đinh Thị A, sinh ngày 31/10/2000, trú tại: Làng K, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai – Vắng mặt.

- Cháu Đinh Thị A1, sinh ngày 01/01/2001, trú tại: Làng K, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai – Vắng mặt.

- Cháu Đinh Thị M, sinh năm 2000, trú tại: Làng K, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai – Vắng mặt.

- Cháu Đinh Thị Bech, sinh ngày 10/3/2000, trú tại: Làng K, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai – Vắng mặt.

\* **Người bào chữa cho bị cáo Trần Quốc K:** Ông Lê Văn T – Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai - Có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

### **1. Trần Quốc K bị Viện kiểm sát nhân huyện K truy tố về hành vi phạm tội như sau:**

Ngày 21/12/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg, ban hành một số chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú (Quyết định số 85). Theo đó, mức hỗ trợ tiền ăn và tiền nhà ở mỗi tháng tổng cộng bằng 50% mức lương tối thiểu chung (trong đó tiền ăn 40%, tiền nhà ở 10%) và học sinh được hưởng không quá 09 tháng/năm học. Thực hiện Quyết định này, ngay từ đầu các năm học, trường Tiểu học và Trung học cơ sở C (Trường C, xã Đ, huyện K căn cứ vào tiêu chuẩn, đối tượng được thụ hưởng, đã rà soát, lập danh sách học sinh bán trú đang học tại trường, gửi đến phòng Giáo dục và đào tạo huyện thẩm tra để trình Ủy ban nhân dân (UBND) huyện K phê duyệt. Trên cơ sở đó, Phòng Giáo dục và đào tạo huyện cấp kinh phí về cho trường, để cấp phát cho số học sinh thuộc đối tượng được thụ hưởng theo Quyết định 85 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong quá trình tổ chức cấp phát tiền chế độ chính sách cho học sinh bán trú của trường, đã xin ý kiến bằng miệng với Đảng ủy và Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ là sẽ chia nhỏ số tiền ra, cấp cho học sinh làm thành nhiều lần, với mục đích để duy trì sĩ số và đã được Đảng ủy và UBND xã đồng ý. Trong hai năm học 2013-2014 và 2014-2015, lợi dụng chủ trương trên, Trần Quốc K chỉ đạo các giáo viên Trần Thị Hậu G, Lê Thị Cẩm T và Võ Anh T lập danh sách và cấp phát không đầy đủ tiền chế độ cho các em học sinh, sau đó Trần Quốc K đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt toàn bộ số tiền đã bớt xén được của học sinh để sử dụng cho mục đích cá nhân, cụ thể như sau:

Năm học 2013-2014, Phòng Giáo dục và đào tạo huyện cấp cho trường C với tổng số tiền là 112.000.000 đồng. Số tiền này cấp làm thành 02 đợt chia ra cho 02 học kỳ. Đợt 01 (Học kỳ I có 35 em học sinh thuộc đối tượng được thụ hưởng) cấp vào ngày 10/10/2013 với tổng số tiền 80.500.000 đồng, tương đương 2.300.000 đồng/01 học sinh. Ngày 25/10/2013, K chỉ đạo cho Trần Thị Hậu G và Lê Thị Cẩm T tiến hành lập danh sách và cấp phát cho mỗi học sinh 1.300.000 đồng, nhưng yêu cầu học sinh ký vào danh sách nhận đủ số tiền 2.300.000 đồng với lý do là để hoàn thành thủ tục thanh quyết toán gửi về Phòng giáo dục và đào tạo. Số tiền còn lại 1.000.000 đồng/01 học sinh, K phổ biến là để cuối học kỳ sẽ cấp tiếp. Số tiền còn lại

35.000.000 đồng/35 học sinh, K giữ lại và trực tiếp quản lý, sau đó không tiếp tục chi trả cho số học sinh này mà đã chiếm đoạt và sử dụng vào mục đích cá nhân. Đợt 02 (Học kỳ II) có 36 học sinh được hưởng chế độ với số tiền 2.875.000 đồng/01 học sinh, tổng số tiền phòng Giáo dục và đào tạo cấp về cho trường vào ngày 03/3/2014 là 103.500.000 đồng. Tại thời điểm đợt cấp phát này, do Trần Quốc K đang đi học lớp Trung cấp chính trị nên ngày 20/3/2016, ông Bùi Xuân N, Phó hiệu trưởng nhà trường đã chỉ đạo cho Trần Thị Hậu G và Lê Thị Cẩm T cấp đầy đủ số tiền 103.500.000 đồng cho 36 học sinh.

Năm học 2014-2015, Trường C có 43 em học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 85 của Thủ Tướng Chính Phủ. Trong năm học này, phòng Giáo dục và đào tạo cấp về cho trường với tổng số tiền 222.525.000 đồng. Số tiền này được cấp thành 03 đợt:

**Đợt một** ( Học kỳ I) cấp vào ngày 29/10/2014 với số tiền 98.900.000 đồng tương đương 2.300.000 đồng/01 học sinh. Sau khi nhận kinh phí từ Phòng Giáo dục và đào tạo về trường, ngày 10/11/2014, K tiếp tục chỉ đạo cho Trần Thị Hậu G và Lê Thị Cẩm T lập danh sách, tổ chức cấp cho mỗi học sinh 1.300.000 đồng nhưng yêu cầu học sinh ký nhận đủ số tiền 2.300.000 đồng, Số tiền còn lại 43.000.000 đồng/43 học sinh, K giữ lại và trực tiếp quản lý, sau đó không tiếp tục chi trả cho số học sinh này mà đã chiếm đoạt và sử dụng vào mục đích cá nhân.

**Đợt hai** (Học kỳ II) cấp vào ngày 20/3/2015, với số tiền 74.175.000 đồng/43 em học sinh, tương đương 1.725.000 đồng/01 học sinh. Tương tự các lần trước, ngày 06/5/2015, Trần Quốc K chỉ đạo cho Trần Thị Hậu G và Lê Thị Cẩm T lập danh sách cấp cho mỗi em 1.000.000 đồng nhưng yêu cầu học sinh ký nhận đủ số tiền 1.725.000 đồng. Số tiền còn lại là 31.175.000 đồng/43 học sinh, K giữ lại và trực tiếp quản lý, sau đó không tiếp tục chi trả cho số học sinh này mà đã chiếm đoạt.

**Đợt ba** (Học kỳ II) cấp vào ngày 04/5/2015, với số tiền 49.450.000 đồng, tương ứng 1.150.000 đồng/01 học sinh. Sau khi nhận số tiền trên từ Phòng giáo dục và đào tạo về trường, ngày 11/5/2015, bị can chỉ đạo cho Trần Thị Hậu G lập danh sách, đưa xuống phòng hội đồng nhà trường, nhờ một số giáo viên đang tổng hợp điểm có mặt tại đây và một số học sinh lớp 5 của trường đang học tại trường, ký nhận thay sau đó hoàn tất thủ tục và quyết toán với Phòng Giáo dục và đào tạo huyện. Toàn bộ số tiền này, Trần Quốc K giữ lại và trực tiếp quản lý, sau đó không chi trả cho số học sinh được thụ hưởng mà đã chiếm đoạt để tiêu xài cho mục đích cá nhân.

Tất cả các lần cấp phát tiền cho học sinh, trong biên bản đều thể hiện có sự tham gia của giáo viên chủ nhiệm lớp và sự giám sát của đại diện UBND xã Đ.

Riêng học kỳ I, năm học 2015-2016, có 06 em học sinh thuộc diện được hưởng chế độ hỗ trợ chính sách, đã bỏ học gồm các em Đinh Thị B lớp 7A, Đinh Thị T lớp 8A, Đinh Thị N lớp 8A, Đinh Kc lớp 8A, Đinh Thị B lớp 9A, Đinh N lớp 9A. Mặc dù đã được chị Lê Thị Cẩm T báo cáo và đề nghị Trần Quốc K cho xóa tên những

em này khỏi danh sách, nhưng K vẫn chỉ đạo lập danh sách để đề nghị cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Sau khi nhận kinh phí cấp về trường, anh Võ Anh T phát hiện thấy số học sinh này đã bỏ học từ đầu năm học, nên đã tiếp tục báo cáo cho bị can K biết và đề nghị K xóa tên khỏi danh sách nhận tiền. Tuy nhiên với ý đồ chiếm đoạt số tiền này nên Trần Quốc K đã chỉ đạo anh Võ Anh T đưa danh sách nhờ người khác ký thay vào danh sách cấp phát tiền để quyết toán. Chấp hành ý kiến chỉ đạo của K, anh Võ Anh T đã đưa danh sách nhờ một số em học sinh (anh Tuấn không còn nhớ cụ thể) đang học tại trường, ký vào vị trí 06 học sinh đã bỏ học nêu trên với số tiền ký nhận là 2.300.000 đồng/01 học sinh. Như vậy, tổng số tiền quyết toán không là 13.800.000 đồng. Số tiền này Trần Quốc K giữ lại và trực tiếp quản lý, sau đó chiếm đoạt. Ngày 28/12/2015, khi Thanh tra huyện tiến hành kiểm tra, Trần Quốc K hoàn trả lại số tiền này vào kho quỹ của nhà trường, cơ quan Thanh tra đã lập biên bản để làm cơ sở xử lý.

Như vậy, từ năm học 2013-2014 đến học kỳ I năm học 2015-2016, Trần Quốc K lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình, đã chiếm đoạt tổng số tiền 172.425.000 đồng (*Một trăm bảy mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) do K đang trực tiếp quản lý.

Vụ việc bị phát hiện sau khi một số em học sinh lớp 9 của năm học 2013-2014 đến trường đòi nhà trường chi trả số tiền chế độ còn thiếu. Để che đậy hành vi phạm tội của mình nên ngày 03/11/2015, Trần Quốc K đã đưa tiền, nhờ các giáo viên Bùi Bá T và Phan Thị Mai Hoa trả cho 14 học sinh lớp 9 đã tốt nghiệp năm học 2013-2014, với số tiền 1.000.000 đồng/học sinh với tổng cộng là 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*).

Trong thời gian Thanh tra huyện chuyển hồ sơ vụ việc đến cơ quan điều tra công an huyện K để điều tra, thì ngày 10 và ngày 11/01/2016, Trần Quốc K lại tiếp tục đưa tiền, nhờ anh Bùi Bá T, Võ Anh T, chị Siu H' là giáo viên của trường và ông Trần Xuân A là bảo vệ trường C đến tận nhà của 20 em học sinh để hoàn trả cho mỗi em 2.875.000 đồng với tổng số tiền là 57.500.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Do nghi ngờ có sự không minh bạch trong việc cấp phát tiền nên đã có 08 em học sinh nộp lại cho Ủy ban nhân dân xã số tiền là 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*). Quá trình điều tra đã xác định có 26 em học sinh được Trần Quốc K hoàn trả 48.500.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*) là số tiền Trần Quốc K đã chiếm đoạt trước đó.

Ngày 13/01/2016, Trần Quốc K đã tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan điều tra số tiền đã chiếm đoạt được là 79.925.000 đồng (*Bảy mươi chín triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Ngày 03/3/2016, ông Trần Hữu Đ (cha ruột của bị can K) đến cơ quan điều tra nộp số tiền 21.000.000 đồng (*Hai mươi một triệu đồng*) để khắc phục hậu quả do K gây ra.

## **2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:**

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2017/HSST ngày 23/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc K phạm tội: “Tham ô tài sản”.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 278; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc K **09 (chín)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt là ngày 22/01/2016.

Áp dụng khoản 5 Điều 278 Bộ luật hình sự.

Cấm bị cáo Trần Quốc K đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến nghề nghiệp của bị cáo trong thời hạn **03 (ba)** năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Áp dụng các Điều 41, 42 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho nguyên đơn dân sự là Trường Tiểu học và Trung học cơ sở C, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai số tiền 110.125.000 đồng (*Một trăm mười triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) để nhà trường tổ chức cấp phát lại cho các em học sinh bán trú của trường C theo đúng chế độ và danh sách đã được Ủy ban nhân dân huyện K phê duyệt. Cụ thể: Các em Đinh Thị A, Đinh Thị B, Đinh B, Đinh Đ, Đinh H, Đinh Thị M, Đinh N (đều trú tại: Làng K, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai), Đinh Thị A, Đinh Thị AM, Đinh Đ, Đinh K, Đinh K, Đinh Thị N, Đinh Thị Th, Đinh Thị Th, Đinh Văn Th (đều trú tại: Làng K, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai), Đinh Thị Chai, Đinh Thị Lái (đều trú tại: Làng H’ôn, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai) mỗi em được trả lại số tiền 3.875.000 đồng (*Ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*); các em Đinh Thị B, Đinh Thị Be, Đinh Thị Đ, Đinh Thị Ng, Đinh Nhi (đều trú tại: Làng K, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai), Đinh Thị B, Đinh Thị Đu, Đinh Thị Kdei, Đinh Lyech, Đinh Lol, Đinh Mép, Đinh Thị Tép (đều trú tại: Làng K’liék, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai), Đinh Thị Xoech (trú tại: Làng K, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai) mỗi em được trả lại số tiền 2.875.000 đồng (*Hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*); các em Đinh Thị Th, Đinh Thị K, Đinh Thị Ng (đều trú tại: Làng H’ôn, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai) mỗi em được trả lại số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền mà bị cáo Trần Quốc K thu lời bất chính là 13.800.000 đồng (*Mười ba triệu tám trăm nghìn đồng*)

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/03/2016 giữa Công an huyện K với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại, người liên quan theo quy định của pháp luật.

### **3. Kháng cáo của bị cáo:**

Ngày 27/02/2017 Trần Quốc K kháng cáo kêu oan.

### **4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:**

Trần Quốc K thừa nhận Trường TH & THCS Cao Bá Q là trường có nhiều trường hợp học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo quyết định số 85/2010/QĐ-TTg ngày 21/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Từ khi là Hiệu phó đến khi là Hiệu trưởng bị cáo là người ký danh sách đề nghị hỗ trợ tiền, giới thiệu người đi nhận tiền, sau khi nhận tiền sẽ giao cho bị cáo giữ, bị cáo ký kế hoạch chi tiền thì mới giao tiền

cho giáo viên chi cho học sinh, sau khi chi xong bị cáo cũng là người ký biên bản chi tiền và ký hoàn tất các thủ tục kê khai khoản tiền đã chi. Bị cáo cho rằng đã chi đủ, đúng như trong các chứng từ có tại hồ sơ vụ án. Bị cáo thừa nhận sau khi có các em học sinh đến đòi tiền hỗ trợ còn thiếu và nghe dư luận nên bị cáo có nhờ giáo viên, nhân viên trong trường đi trả cho học sinh, có nộp cho cơ quan điều tra và có tác động gia đình nộp cho cơ quan điều tra tổng cộng 158.625.000đ, lý do vì bị cáo bị tác động của địa phương, của dư luận và của cơ quan điều tra nên muốn giải quyết cho yên ổn và giữ danh dự cũng như để được miễn trách nhiệm hình sự. Đối với số tiền 13.800.000đ bị cáo biết các em nghỉ học khi phát tiền nhưng bị cáo không lập biên bản gì mà chỉ đạo các giáo viên hoàn chỉnh danh sách đã chi đủ, bị cáo cũng ký hoàn chỉnh hồ sơ đã chi đủ, tiền bị cáo giữ nhưng bị cáo không có ý định chiếm đoạt mà để trả lại và có dự định là chi cho những em khác để khuyến khích học tập, số tiền này bị cáo đã giao lại cho thanh tra huyện. Theo bị cáo, tổng cộng số tiền 172.425.000đ bị cáo không chiếm đoạt.

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo kêu oan, đề nghị Hội đồng xét xử minh oan cho bị cáo với hai căn cứ là bị cáo không phải là người quản lý tiền này và bị cáo không chiếm đoạt tiền. Đối với phần giải quyết vật chứng nếu tòa tuyên bị cáo không phạm tội thì đề nghị trả lại cho bị cáo số tiền 158.625.000đ

Chị Trần Thị Hậu G, Lê Thị Cẩm T, anh Võ Anh T, có mặt tại phiên tòa đều cho rằng đối với trình tự, thủ tục và việc bị cáo giữ tiền đúng như lời trình bày của bị cáo nhưng đối với số tiền đã chi, cách chi và số tiền bị cáo giữ lại không đúng như lời trình bày của bị cáo mà đúng như nội dung cáo trạng mô tả. Việc các em học sinh đến đòi tiền hỗ trợ, việc bị cáo nhờ người đi trả tiền cho các em học sinh là có thật. Bị cáo đã được thông báo việc 06 em học sinh nghỉ học trước danh sách được phê duyệt nhưng bị cáo vẫn chỉ đạo giữ nguyên danh sách để nhận tiền và sau đó giữ lại tiền không chi. Anh Tạ Văn C cho rằng với cương vị là chủ tịch xã Đ khi nghe học sinh đến phản ánh về số tiền hỗ trợ chưa nhận được anh đã cử cán bộ đi xem xét và yêu cầu bị Trần Quốc K đến giải thích, K đã viết cam kết và anh có khuyên K có làm sai thì nên khắc phục hậu quả.

Trong phần tranh luận, đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án cho rằng: Bị cáo K là Hiệu phó, Hiệu trưởng, là người quản lý tiền của nhà nước đã được phê duyệt hỗ trợ theo Nghị định Chính phủ nhưng bị cáo không thực hiện cấp phát đầy đủ mà nhiều lần giữ lại chiếm đoạt số tiền 172.425.000đ. Như vậy, việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 278 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật, đúng tội, không oan. Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do không oan nên vấn đề xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Ý kiến người bào chữa cho bị cáo, Luật sư Lê Văn Tcho rằng bị cáo không phải là người quản lý tài sản nên không phạm tội “Tham ô tài sản”, đối với số tiền 13.800.000đ cần xác định rõ ai là người ký nhận tiền mới có thể xem xét được. Hồ sơ không đủ căn cứ xác định bị cáo có chiếm đoạt tiền và có vi phạm nghiêm trọng thủ

tục tố tụng, xác định sai tư cách tham gia tố tụng của trường C cũng như chưa xem xét vấn đề cơ quan điều tra khởi tố bị cáo về tội “lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản” sau đó đình chỉ. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, thay đổi biện pháp ngăn chặn theo hướng chuyển sang biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú hoặc tuyên bố bị cáo không phạm tội và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

***Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác;***

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM NHẬN ĐỊNH:**

**1.** Về việc Trần Quốc K có phải là người quản lý tiền hỗ trợ cho các em học sinh hay không:

Trường TH & THCS Cao Bá Q t là trường có nhiều trường hợp học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo quyết định số 85/2010/QĐ-TTg ngày 21/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Trần Quốc K được bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường từ ngày 04/8/2014. Từ trước khi được bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng, Trần Quốc K giữ chức vụ Hiệu phó và cũng đã thực hiện việc ký hồ sơ kèm danh sách đề nghị trợ cấp tiền hỗ trợ, phân công cán bộ nhận tiền khi được phê duyệt, quản lý tiền, phê duyệt kế hoạch cấp tiền, có mặt và ký duyệt các biên bản cấp tiền hỗ trợ, ký hoàn tất hồ sơ cấp phát tiền và khi được bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng, K tiếp tục thực hiện nhiệm vụ này.

Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện:

- Ngày 24/10/2013 Trần Quốc K ký Giấy giới thiệu số 02/GT để giới thiệu bà Trần Thị Hậu Gđ đến bộ phận tài vụ - kế toán phòng giáo dục huyện kongchro để nhận tiền bán trú học sinh năm học 2013-2014; ngày 25/10/2013 Trần Quốc K ký kế hoạch cấp phát tiền bán trú và ăn trưa giai đoạn I (từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2013) năm học 2013-2014; cùng ngày Trần Quốc K ký Biên bản v/v cấp tiền bán trú giai đoạn I từ tháng 9/2013 đến tháng 12/2013 có nội dung “...Nhà trường đã cấp đủ số tiền đến tận tay học sinh...” cho 35 học sinh với tổng số tiền là 80.500.000đ, cùng danh sách kèm theo thể hiện mỗi em được nhận 2.300.000đ có ký nhận.

- Ngày 07/11/2014 Trần Quốc K ký Giấy giới thiệu số 08 để giới thiệu ông Nguyễn Thế C đến bộ phận tài vụ - kế toán phòng giáo dục huyện kongchro để nhận tiền bán trú học sinh; ngày 10/11/2014 Trần Quốc K ký kế hoạch cấp phát tiền bán trú và ăn trưa giai đoạn I (từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2014) năm học 2014-2015; cùng ngày Trần Quốc K ký Biên bản v/v cấp tiền bán trú giai đoạn I từ tháng 9/2014 đến tháng 12/2014 có nội dung “...Nhà trường đã cấp đủ số tiền đến tận tay học sinh...” cho 43 học sinh với tổng số tiền là 98.900.000đ, cùng danh sách kèm theo thể hiện mỗi em được nhận 2.300.000đ có ký nhận.

- Ngày 26/3/2015 ông Bùi Xuân N ký Giấy giới thiệu số 12 để giới thiệu bà Trần Thị Hậu Gđ đến bộ phận kế toán phòng giáo dục huyện kongchro để nhận tiền bán trú học kỳ 2, năm học 2014-2015; ngày 06/5/2015 Trần Quốc K ký kế hoạch cấp phát tiền bán trú và ăn trưa giai đoạn II (từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2015) năm học 2014-

2015; cùng ngày Trần Quốc K ký Biên bản v/v cấp tiền bán trú giai đoạn II từ tháng 1/2015 đến tháng 3/2015 có nội dung "...Nhà trường đã cấp đủ số tiền đến tận tay học sinh..." cho 43 học sinh với tổng số tiền là 74.175.000đ, cùng danh sách kèm theo thẻ hiện mỗi em được nhận 1.725.000đ có ký nhận.

- Ngày 07/5/2015 Trần Quốc K ký Giấy giới thiệu số 14 để giới thiệu bà Trần Thị Hậu Gđ đến phòng giáo dục huyện K để nhận tiền bán trú tháng 4, 5; ngày 11/5/2015 Trần Quốc K ký kế hoạch về việc cấp phát tiền hỗ trợ học sinh bán trú từ tháng 4 đến tháng 5 năm học 2014-2015; cùng ngày Trần Quốc K ký Biên bản về việc cấp phát tiền hỗ trợ học sinh bán trú từ tháng 4 đến tháng 5 năm học 2014-2015, theo biên bản thì diễn biến buổi làm việc có nội dung Trần Quốc K thông qua danh sách 43 học sinh được nhận tiền với tổng số tiền 49.450.000đ, tương đương 1.150.000đ/em và "...yêu cầu thủ quỹ nhà trường cấp đúng và đủ theo quy định...", cùng danh sách kèm theo thẻ hiện mỗi em được nhận 1.150.000đ có ký nhận.

- Ngày 15/9/2015 Trần Quốc K ký: Tổng hợp danh sách hỗ trợ học sinh bán trú năm học 2015-2016 với 60 học sinh, số tiền 138.000.000đ; danh sách tiền hỗ trợ học sinh bán trú năm học 2015-2016 với 60 học sinh với mức 2.300.000đ/học sinh có tên các em: Đinh Thị Ben lớp 7A, Đinh Thị Thư lớp 8A, Đinh Thị Nhân lớp 8A, Đinh Krac lớp 8A, Đinh Thị Bet lớp 9A, Đinh Ngon lớp 9A; phê duyệt danh sách học sinh bán trú năm học 2015-2016 với 60 học sinh, có tên các em: Đinh Thị Ben lớp 7A, Đinh Thị Thư lớp 8A, Đinh Thị Nhân lớp 8A, Đinh Krac lớp 8A, Đinh Thị Bet lớp 9A, Đinh Ng lớp 9A; Danh sách nhận tiền hỗ trợ học sinh bán trú năm học 2015-2016 với 60 học sinh với mức 2.300.000đ/học sinh có tên các em: Đinh Thị B lớp 7A, Đinh Thị T lớp 8A, Đinh Thị N lớp 8A, Đinh Krac lớp 8A, Đinh Thị B lớp 9A, Đinh Ng lớp 9A và có ký nhận.

Ngày 20/10/2015 được Phòng giáo dục và đào tạo huyện K ký Tổng hợp kinh phí hỗ trợ chính sách cho 60 học sinh trường TH&THCS Cao Bá Q số tiền 138.000.000đ;

Ngày 26/10/2015 Trần Quốc K ký Giấy giới thiệu số 14 để giới thiệu ông Võ Anh T đến bộ phận kế toán tài vụ phòng giáo dục huyện kongchro để nhận tiền chế độ học sinh bán trú; ngày 04/11/2015 Trần Quốc K ký kế hoạch về việc cấp phát tiền hỗ trợ học sinh bán trú từ tháng 09 đến tháng 12 năm học 2015-2016; cùng ngày Trần Quốc K ký Biên bản về việc cấp phát tiền hỗ trợ học sinh bán trú từ tháng 09 đến tháng 12 năm học 2015-2016, theo biên bản thì diễn biến buổi làm việc có nội dung Trần Quốc K thông qua danh sách 60 học sinh được nhận tiền với tổng số tiền 138.000.000đ và "...yêu cầu thủ quỹ nhà trường cấp đúng và đủ theo quy định..."

Toàn bộ số tiền đã nhận của các lần nêu trên đều là tiền từ Ngân sách Nhà nước chi hỗ trợ theo quyết định số 85/2010/QĐ-TTg ngày 21/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ, trường TH&THCS Cao Bá Q có trách nhiệm nhận và giao lại cho các em học sinh theo danh sách do nhà trường xem xét, đề nghị và được Phòng giáo dục đào tạo huyện phê duyệt cấp tiền.

Theo lời khai của Trần Quốc K thì tại thời điểm này trường không có cán bộ chuyên trách về kế toán nên khi có tiền K giới thiệu cán bộ đến nhận và giao lại cho K đến khi K ký duyệt kế hoạch chi tiền thì K giao lại để chi. Theo lời khai của bà Trần Thị Hậu G, ông Nguyễn Thế C, ông Võ Anh T là những người được K giới thiệu đến



nhận tiền thì khi nhận tiền về đều giao toàn bộ cho K và K chỉ đạo chi như thế nào thì mới chi. Như vậy, có cơ sở kết luận từ thời điểm nhận tiền từ bà Trần Thị Hậu G, ông Nguyễn Thế C, ông Võ Anh T giao lại thì Trần Quốc K là người quản lý toàn bộ số tiền kể trên.

2. Đối với việc thực tế bị cáo có giao tiền cho học sinh đầy đủ như trong các chứng từ hay không, bị cáo có chiếm đoạt 172.425.000đ hay không:

Theo các tài liệu kể trên thì có đầy đủ danh sách những người được nhận tiền hỗ trợ, số tiền được nhận và có chữ ký tại phần người nhận tiền. Trần Quốc K cho rằng các danh sách đó là thực tế, K đã chỉ đạo chi và đã chi đầy đủ.

Lời khai của những người làm chứng bà Trần Thị Hậu G, bà Lê Thị Cẩm Tú, ông Nguyễn Thế C, ông Võ Anh T thể hiện: đối với tiền bán trú giai đoạn I từ tháng 9/2013 đến tháng 12/2013 Trần Quốc K chỉ đạo chi 1.300.000đ/hs, số tiền còn lại 35.000.000đ = 1.000.000đ/hs K vẫn giữ và không chi; đối với tiền bán trú giai đoạn I từ tháng 9/2014 đến tháng 12/2014 Trần Quốc K chỉ đạo chi 1.300.000đ/hs, số tiền còn lại 43.000.000đ = 1.000.000đ/hs K vẫn giữ và không chi; đối với tiền bán trú giai đoạn II từ tháng 1/2015 đến tháng 3/2015 K chỉ đạo chi 1.000.000đ/hs, số tiền còn lại 31.175.000đ = 725.000đ/hs K vẫn giữ và không chi; đối với tiền hỗ trợ học sinh bán trú từ tháng 4 đến tháng 5 năm học 2014-2015 K chỉ đạo làm hồ sơ cấp phát cho 43 học sinh được nhận tiền với tổng số tiền 49.450.000đ nhưng K giữ lại toàn bộ và không chi; Đối với tiền hỗ trợ học sinh bán trú từ tháng 09 đến tháng 12 năm học 2015-2016 K chỉ đạo lập danh sách 60 học sinh được nhận tiền với tổng số tiền 138.000.000đ, được phòng Giáo dục và đào tạo huyện phê duyệt. Theo đó có 06 em học sinh nghỉ học K biết nhưng vẫn cho làm thủ tục, lập hồ sơ, nhận tiền và giữ 13.800.000đ của 06 em này.

Lời khai của những người làm chứng nêu trên thể hiện tổng số tiền K giữ lại của các năm để chiếm đoạt là: 172.425.000đ (35.000.000đ + 43.000.000đ + 31.175.000đ + 49.450.000đ + 13.800.000đ). Lời khai này phù hợp với các chứng cứ thu được có tại hồ sơ vụ án như lời khai của các em học sinh, phụ huynh học sinh, phù hợp với số tiền 14.000.000đ do K nhờ các giáo viên Bùi Bá T và Phan Thị Mai H đến nhà trả cho 14 học sinh lớp 9 đã tốt nghiệp năm học 2013 – 2014 vào ngày 03/11/2015; cộng số tiền 57.500.000đ do K nhờ các giáo viên Bùi Bá T, Võ Anh T, Siu H'Nhú và bảo vệ trường là ông Trần Xuân A trả cho 20, mỗi em 2.875.000đ vào các ngày 10 và 11 tháng 01 năm 2016; cộng số tiền 21.000.000đ theo K khai đã tác động cha là ông Trần Hữu Đ nộp; cộng số tiền 13.800.000đ K nộp cho Thanh tra huyện, và cộng số tiền 79.925.000đ K nộp theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 13/01/2016 bị cáo có ý kiến là “số tiền trên là chế độ hỗ trợ học sinh bán trú gồm tiền ăn và tiền ở tại trường TH-THCS Cao Bá Quát xã Đ, huyện K do tôi đang tạm giữ nay tôi giao nộp tự nguyện cho cơ quan Cảnh sát điều tra – công an huyện Kong Chro để điều tra xác minh”. Tổng cộng tất cả các khoản tiền kể trên là 172.425.000đ. Số tiền đó cũng phù hợp với lời khai của K từ khi bị khởi tố vụ án, khởi tố bị can cho đến khi có kết luận điều tra lần đầu, bị cáo đều thừa nhận tổng số tiền 172.425.000đ kể trên là tiền để chi hỗ trợ cho các em học sinh nhưng K không chi và để tiêu xài cá nhân. Như vậy, có cơ sở khẳng định việc bị cáo K không chi đủ tiền cho các em học sinh là có thật và số tiền này bị cáo đã chiếm đoạt tổng cộng 172.425.000đ.

### 3. Đối với cách thức bị cáo thực hiện chiếm đoạt 172.425.000đ:

Các phân tích trên cũng là cơ sở xác định đối với số tiền 158.625.000đ bị cáo cho lập đầy đủ các thủ tục nhưng thực tế: tiền bán trú giai đoạn I từ tháng 9/2013 đến tháng 12/2013 Trần Quốc K chỉ đạo chi 1.300.000/hs, số tiền còn lại 35.000.000đ = 1.000.000đ/hs K vẫn giữ và không chi; đối với tiền bán trú giai đoạn I từ tháng 9/2014 đến tháng 12/2014 Trần Quốc K chỉ đạo chi 1.300.000/hs, số tiền còn lại 43.000.000đ = 1.000.000đ/hs K vẫn giữ và không chi; đối với tiền bán trú giai đoạn II từ tháng 1/2015 đến tháng 3/2015 K chỉ đạo chi 1.000.000/hs, số tiền còn lại 31.175.000đ = 725.000đ/hs K vẫn giữ và không chi; đối với tiền hỗ trợ học sinh bán trú từ tháng 4 đến tháng 5 năm học 2014-2015 K chỉ đạo làm hồ sơ cấp phát cho 43 học sinh được nhận tiền với tổng số tiền 49.450.000đ nhưng K giữ lại toàn bộ và không chi. Các chứng cứ này phù hợp với các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa như phân tích tại mục “2. Đối với việc thực tế bị cáo có giao tiền cho học sinh đầy đủ như trong các chứng từ hay không, bị cáo có chiếm đoạt 172.425.000đ hay không”. Như vậy, có cơ sở kết luận cách thức bị cáo chiếm đoạt số tiền này là chi một phần so với danh sách và hứa hẹn tiếp tục chi đợt khác nhưng không chi và chiếm đoạt. Chỉ khi bị phát hiện bị cáo mới nhờ người đi chi trả và nộp phần còn lại cho cơ quan điều tra

Đối với số tiền 13.800.000đ K thay đổi lời khai ban đầu và cho rằng bản thân không biết các học sinh Đinh Thị B lớp 7A, Đinh Thị T lớp 8A, Đinh Thị Nh lớp 8A, Đinh K lớp 8A, Đinh Thị B lớp 9A, Đinh Ng lớp 9A đã nghỉ học nên mới lập hồ sơ nhận tiền có tên các em này, khi nhận tiền về xong K mới biết và K không chiếm đoạt mà để ở tủ chờ trả lại. Lời khai này không phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ vụ án là lời khai của chị Lê Thị Cẩm T khai đã báo cáo và đề nghị K đưa tên các em học sinh này ra khỏi danh sách; lời khai nhận của K cho rằng biết các em nghỉ học nhưng vẫn lập danh sách để lấy tiền và thực tế ngày 04/11/2015 K đã làm các thủ tục hoàn tất việc chi tiền cho học sinh trong đó có tên các em đã nghỉ học, K giữ lại tiền đến ngày 28/12/2015 khi thanh tra huyện tiến hành kiểm tra thì K mới hoàn trả số tiền này vào kho quỹ nhà trường. Như vậy, có cơ sở kết luận cách thức chiếm đoạt số tiền này là K đã cho kê khống danh sách các em nghỉ học và nhận tiền về, giữ lại chiếm đoạt. Việc K đề nghị làm rõ ai là người ký thay vào chỗ ký nhận tiền của các học sinh đã nghỉ học là không cần thiết bởi lẽ hành vi của bị cáo đã hoàn thành từ thời điểm bị cáo hoàn tất hồ sơ, nhận tiền và giữ toàn bộ tiền của các em nghỉ học. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng thừa nhận số tiền 13.800.000đ K biết các em đã nghỉ học khi đi chi tiền nhưng K vẫn chỉ đạo lập, hoàn chỉnh danh sách thể hiện đã chi đầy đủ nhưng bị cáo giữ lại tiền và không chi.

Quá trình điều tra, xét xử K thay đổi lời khai ban đầu và cho rằng muốn giữ số tiền này để duy trì sỹ số học sinh, lời khai này không phù hợp với thực tế vì có những em đã ra trường hoặc đã lên lớp mới nhưng không được chi trả. Bị cáo còn có lời khai cho rằng bị cáo đã chi trả toàn bộ như trong chứng từ, việc bị cáo nhờ người đi trả và nộp tại cơ quan điều tra vì bị cáo bị áp lực, muốn giữ danh dự và để được miễn trách nhiệm hình sự. Lời khai này cũng không phù hợp với lời khai của người làm chứng, các em học sinh khai báo và kết luận sau khi làm việc của thanh tra huyện, không phù hợp với lời khai nhận tội ban đầu của bị cáo, không phù hợp với vật chứng thu giữ là

số tiền phía K tự khắc phục và số tiền thu giữ được. Như vậy, các lý do bị cáo nại ra chỉ là để quanh co, chối tội, không nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật và không biết ăn năn hối cải.

Ngoài tình tiết tăng nặng định khung chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng thì bị cáo còn phạm vào tình tiết định khung phạm tội nhiều lần. Do đó, việc bị cáo bị truy tố, xét xử về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 178 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi bị khởi tố điều tra bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và gia đình bị cáo cũng thừa nhận hành vi của bị cáo và xin giảm nhẹ cho bị cáo nhưng sau đó bị cáo thay đổi lời khai và cho rằng bị oan, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo cũng quanh co chối tội nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, quy định của pháp luật về khung hình phạt, thái độ của bị cáo về hành vi của mình và xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, có nhân thân tốt, có nhiều thành tích trong quá trình công tác theo điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự và vận dụng quy định có lợi cho bị cáo theo Bộ luật Hình sự 2015, Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/06/2016 và công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015, thì mức hình phạt 9 năm tù là tương xứng. Cũng chính vì bị cáo không nhận thức được hành vi phạm tội, không biết ăn năn hối cải nên việc áp dụng hình phạt bổ sung cấm bị cáo đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến nghề nghiệp của bị cáo trong thời hạn 3 năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù là cần thiết.

Đối với ý kiến của Luật sư của bị cáo cho rằng Tòa sơ thẩm xác định sai tư cách tham gia tố tụng của trường C. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Trường C đã nhận đầy đủ tiền hỗ trợ nhưng không chi đầy đủ cho các em học sinh do bị cáo chiếm đoạt, nay trách nhiệm của nhà trường tiếp tục thực hiện việc chi trả cho học sinh bằng số tiền bị cáo đã khắc phục, nhà trường không phải cá nhân nên không nhất thiết phải có đơn yêu cầu nhưng đã có lời khai yêu cầu xem xét là phù hợp quy định của pháp luật. Đối với ý kiến vị Luật sư cho rằng Tòa sơ thẩm chưa xem xét việc cơ quan điều tra khởi tố thêm đối với bị cáo về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” sau đó đình chỉ. Xét việc khởi tố và đình chỉ một tội danh tại cơ quan điều tra không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm nên ý kiến của luật sư không có căn cứ xem xét.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với phần giải quyết vật chứng và các phần khác đúng quy định của pháp luật nên cũng giữ nguyên.

Đối với nội dung kháng cáo kêu oan cho bị cáo của chị Hoàng Thị L là vợ của bị cáo và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét nội dung kháng cáo này không thuộc giới hạn của việc kháng cáo theo quy định tại Điều 231 Bộ luật Tố tụng Hình sự, hướng dẫn tại Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08/12/2005 về hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ tư “xét xử phúc thẩm” của Bộ luật tố

tụng hình sự: “người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi hoặc nghĩa vụ của họ”. Như vậy nội dung kháng cáo của chị L vượt quá giới hạn của việc kháng cáo nên tòa án cấp sơ thẩm thông báo trả lại đơn kháng cáo và Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Đối với phần án phí, tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án để tuyên buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là chưa chính xác. Tuy nhiên việc này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu ra để tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng Hình sự;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 05/2017/HSST ngày 23/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

Tuyên bố Trần Quốc K phạm tội: “Tham ô tài sản”.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 278; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Áp dụng Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/06/2016 và công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt Trần Quốc K **09 (chín)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 22/01/2016.

Áp dụng khoản 5 Điều 278 Bộ luật hình sự:

Cấm bị cáo Trần Quốc K đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến nghề nghiệp của bị cáo trong thời hạn **03 (ba)** năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Áp dụng các Điều 41, 42 BLHS; Khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho nguyên đơn dân sự là Trường Tiểu học và Trung học cơ sở C, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai số tiền 110.125.000 đồng (*Một trăm mười triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) để nhà trường tổ chức cấp phát lại cho các em học sinh bán trú của trường C theo đúng chế độ và danh sách đã được Ủy ban nhân dân huyện K phê duyệt. Cụ thể:

Các em Đinh Thị A, Đinh Thị B, Đinh Bla, Đinh Đ, Đinh H, Đinh Thị M, Đinh Ng (đều trú tại: Làng K, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai), Đinh Thị A, Đinh Thị AM, Đinh Đ, Đinh Kc, Đinh Kri, Đinh Thị N, Đinh Thị T, Đinh Thị Th, Đinh V (đều trú tại: Làng K, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai), Đinh Thị Ch, Đinh Thị L (đều trú tại: Làng H', xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai) mỗi em được trả lại số tiền 3.875.000 đồng (*Ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*);

Các em Đinh Thị B, Đinh Thị B, Đinh Thị Đ, Đinh Thị Ng, Đinh Nh (đều trú tại: Làng K, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai), Đinh Thị B, Đinh Thị Đ, Đinh Thị Kdei,

Đình L, Đình Lol, Đình M, Đình Thị T (đều trú tại: Làng K', xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai), em Đình Thị X (trú tại: Làng K, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai) mỗi em được trả lại số tiền 2.875.000 đồng (*Hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*);

Các em Đình Thị Th, Đình Thị K, Đình Thị Ng (đều trú tại: Làng H', xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai) mỗi em được trả lại số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền mà bị cáo Trần Quốc K thu lời bất chính là 13.800.000 đồng (*Mười ba triệu tám trăm nghìn đồng*)

Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/03/2016 giữa Công an huyện K với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Trần Quốc K phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

2. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện K;
- THA huyện K
- Trại giam T20;
- Người TGTT;
- Lưu VT, HSVA, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Kim Hồng**